

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2023/HC-PT

Ngày: 06/6/2023

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 400/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 9 năm 2022 về việc “khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2022/HC-ST ngày 05/08/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5834/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Văn V, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 152, Đ, tổ 12 (tổ 18 cũ), phường L, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu G, sinh năm 1970; trú tại đường T, phường L0, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

*** Người bị kiện:**

- UBND tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt

- Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND thành phố Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt

- Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND phường L0, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- Hợp tác xã N; địa chỉ: Số 39, tổ 18, phường L0, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2019, bản tự khai ngày 06/5/2020, ngày 04/06/2021, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Trần Văn V, bà Lê Thị Thu G đại diện của Ông V trình bày:

Năm 1979 gia đình ông Trần Văn V khai hoang thửa đất tại khu vực Đàm Quỳnh L, phường L0, thành phố Hòa Bình, đã làm nhà ở, sinh sống ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm đất.

Ngày 15/9/2001, Ông V làm đơn gửi UBND phường xin xác nhận nguồn gốc diện tích đất 1.741,9m² là gia đình Ông V khai hoang từ năm 1979, cán bộ địa chính phường (ông Nguyễn Thế T) đã ký, Phó chủ tịch UBND phường (ông Nguyễn Thế H) đã xác nhận, ký tên, đóng dấu vào đơn của ông; kèm theo là Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, cán bộ địa chính phường vẽ sơ đồ thửa đất, ghi rõ các thông tin, mục đích sử dụng đất: V + AO + T; loại đất: 741,9m² đất ao, 1000m² đất ở và nhà ở; đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) theo Điều 100, Điều 103 Luật đất đai, Điều 24 Nghị định 43 của Chính phủ.

Ngày 09/6/2009, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số: 1052/QĐ-UBND và ngày 18/6/2009, UBND thành phố ban hành Quyết định số: 1185/QĐ-UBND về việc thu hồi 84.980,2m² đất các loại tại khu quy hoạch trung tâm Q thuộc xã S, phường L0, thành phố Hòa Bình để giao cho Công an tỉnh Hòa Bình xây dựng trụ sở làm việc. Danh sách thu hồi đất, hộ gia đình Ông V bị thu hồi 744,9m² đất tại thửa số 58 và 59, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng TSN. Hai quyết định thu hồi đất đã vi phạm quy định của Luật đất đai: Trước khi thu hồi đất, không công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho dự án xây dựng trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình; không có Thông báo thu hồi đất cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, không có quyết định phê duyệt dự án tái định cư độc lập trước khi thu hồi đất theo Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 47/NĐ-CP.

Ngày 07/10/2016, thực hiện việc kiểm đếm đất và tài sản trên đất theo quyết định kiểm đếm bắt buộc số: 2929/QĐ-UBND ngày 30/9/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình xác định thu hồi 671,5m² đất ở của gia đình Ông V.

Ngày 02/03/2017, UBND thành phố Hòa Bình có Quyết định số: 560/QĐ-UBND, số: 562/QĐ-UBND thu hồi, bồi thường, duyệt phương án bồi thường hộ gia đình Ông V 589m² đất tại thửa 177 và 178, tờ bản đồ số 23, trong đó có 80m² đất ở, bị mất 81,8m². Ông V khiếu nại 02 nội dung:

Thứ nhất: Đề nghị hủy bỏ hoặc điều chỉnh các Quyết định của UBND thành phố Hòa Bình: Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 18/6/2009; Quyết định 560/QĐ-UBND ngày 02/3/2017; Quyết định 562/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.

Thứ hai: Đề nghị thu hồi, bồi thường diện tích đất 671,5m² là đất ở theo biên bản kiểm kê ngày 07/10/2016.

Ngày 06/6/2017 UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 1218/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của ông Trần Văn V: Chấp nhận nội dung thứ nhất, không chấp nhận nội dung thứ hai.

Sau khi gia đình ông có đơn khiếu nại, ngày 22/06/2017, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND, Quyết định số 1735/QĐ-UBND thu hồi, bồi thường, duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông chỉ có 589m², thửa 177 và 178, tờ bản đồ số 23, chỉ bồi thường 80m² đất ở, còn lại là đất nông nghiệp; thay thế Quyết định số: 560/QĐ-UBND và Quyết định số: 562/QĐ-UBND ngày 02/3/2017

Ông V khiếu nại: Gia đình ông có 01 thửa đất nhưng khi thu hồi, bồi thường, bị chia thành 04 thửa khác nhau tại 04 quyết định, UBND thành phố tự ý cắt 81,8m² đất của gia đình ông cho HTX N. Quyết định số 1052/QĐ-UBND và 1185/QĐ-UBND thu hồi đất thửa 58, 59, tờ bản đồ 23, diện tích 744,9m²; Biên bản kiểm đếm ngày 07/10/2016 thu hồi 761,5m² đất ở; Quyết định thu hồi số 560, 562; 1734, 1735 gia đình ông bị thu hồi chỉ còn 589m² tại thửa 177, 178, tờ bản đồ số 23; yêu cầu được bố trí tái định cư.

Ngày 19/5/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình có văn bản số 192/TB-TTPTQĐ Thông báo dự kiến phương án bố trí tái định cư tại Khu dân cư 4,9 ha xã S: 4.100.000đ/m², khu dân cư tổ 6 phường N: 5.500.000đ/m²; đây là khu đất bán đấu giá của tỉnh Hòa Bình, giá đất tái định cư cao hơn giá đất được bồi thường, lô đất tái định cư xấu (phạm phong thủy).

Không đồng ý, ngày 03/7/2017, Ông V khiếu nại Quyết định số 1218/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình, giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 26/7/2017, UBND tỉnh Hòa Bình có Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, nhưng gần một năm sau, ngày 13/7/2018 UBND tỉnh Hòa Bình mới tổ chức đối thoại với gia đình ông.

Ngày 24/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số: 2045/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 02, kết luận, không thừa nhận khiếu nại của ông, giữ nguyên nội dung Quyết định số 1218/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 09/10/2019 ông Trần Văn V có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi và giao đất cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc;

- Hủy các Quyết định của UBND thành phố Hòa Bình, cụ thể: Hủy Quyết định thu hồi đất số 1185/QĐ-UBND ngày 18/6/2009, Quyết định thu hồi đất số 1734/QĐ-UBND, Quyết định duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình xây dựng trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình số 1735/QĐ-UBND ngày 22/6/2016.

- Hủy Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn V (lần đầu); hủy Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch

UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình (lần hai).

- Yêu cầu bồi thường 671,5m² đất ở, bồi thường giá trị tài sản trên đất theo bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất do UBND Hòa Bình ban hành năm 2021, yêu cầu bố trí tái định cư; phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với tài sản theo biên bản kiểm kê tài sản (lần 4)

Chứng cứ do người khởi kiện cung cấp: Quyết định số 2045 của UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết đơn khiếu nại (lần hai); Quyết định số 1218 của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 1052/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hòa Bình V/v thu hồi đất; Quyết định số 1185 của UBND TP Hòa Bình V/v thu hồi đất (danh sách có tên ông Trần Văn V); Quyết định của UBND thành phố số: 2929/QĐ-UBND V/v kiểm đếm bắt buộc và 02 Biên bản kiểm đếm 1A, 1B ngày 07/10/2016 của hộ ông Trần Văn V; Quyết định thu hồi đất số 1734 của UBND thành phố Hòa Bình (danh sách có tên ông Trần Văn V); Quyết định duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ TĐC số 1735 của UBND thành phố Hòa Bình (có danh sách kèm theo); Bảng chi tiết dự án bồi thường, HT, TĐC khi NN thu hồi đất của hộ ông Trần Văn V; Biên bản đối thoại ngày 13/7/2018. Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Trần Văn V ngày 15/9/2001; đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 16/9/2001; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Công văn số 210/TTCNTT-BL< ngày 14/6/2021 của Trung tâm công nghệ thông tin; Biên bản kiểm tra xác định đất, tài sản trên đất, để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ngày 15/8/2017; ngày 21/11/2017; Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 12/11/2017 của UBND thành phố Hòa Bình về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trụ sở công an tỉnh Hòa Bình

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố trình bày (văn bản số 1107/UBND-TNMT ngày 28/4/2020):

Nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông Trần Văn V.

- Theo tài liệu (bản photocopy có chứng thực) do hộ ông Trần Văn V cung cấp, gồm: Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 15/9/2001 đã được ông Trần Văn V ký, có xác nhận của UBND phường L0 ngày 16/9/2001 có ghi: Tổng diện tích đất 1.741,9m², mục đích sử dụng T + Ao + V + Nhà ở có xác nhận của cán bộ địa chính, Phó Chủ tịch UBND phường L0.

- Hồ sơ địa chính của phường L0 được đo đạc địa chính, chính quy theo hiện trạng sử dụng đất thiết lập năm 1997; thể hiện trên sổ mục kê đất đai và bản đồ địa chính, hộ ông Trần Văn V sử dụng 02 thửa đất, mục đích sử dụng là đất ao, thuộc tờ bản đồ số 23, tổng số 1.561,4m² gồm: Thửa số 58, diện tích 985,7m²; thửa số 59, diện tích 575,7m². Việc đo đạc địa chính chính quy theo hiện trạng sử dụng đất thiết lập năm 1997 được thực hiện theo luận chứng kinh tế - kỹ thuật xây dựng lưới khống chế tọa độ - độ cao đo vẽ bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính khu vực thị xã Hòa Bình, B, tỉnh Hòa Bình kèm theo Quyết định

số 217/QĐ-ĐC ngày 28/4/1997 của Tổng cục địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và hồ sơ đất đai lưu trữ tại UBND phường L0 không có bản gốc hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn V đối với diện tích đất 1.741,9m² do đại diện UBND phường L0 xác nhận ngày 16/9/2001. Hồ sơ đất đai lưu giữ tại các cơ quan nhà nước chỉ có diện tích 1.561,4m², thửa số 58 và thửa số 59.

- Báo cáo số 178/BC-STN&MT ngày 07/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá hồ sơ do hộ ông Trần Văn V cung cấp (đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 15, 16/9/2001): Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất có nhiều loại mực và chữ viết khác nhau, nội dung đơn có sửa chữa. Nội dung xác nhận của UBND phường L0 trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trần Văn V không đúng theo hồ sơ địa chính được thiết lập năm 1997 do UBND phường L0 quản lý. Thời điểm xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 16/9/2001 (ngày Chủ nhật) là không hợp lý.

Hồ sơ do ông Trần Văn V cung cấp tại thời điểm xác lập hồ sơ không thuộc các giấy tờ theo Điều 100, Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Và thuộc trường hợp quy định tại điểm i, điểm k, khoản 2 Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

“Điều 21: Căn cứ để xác định nguồn gốc đất:

i. Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ;

k. Bản kê khai đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại thời điểm kê khai đăng ký”.

Cơ quan nhà nước không chấp nhận hồ sơ đất đai do hộ ông Trần Văn V cung cấp vì nội dung không đảm bảo tính pháp lý do đã bị sửa chữa. Do vậy, việc xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ ông Trần Văn V không áp dụng được các căn cứ nêu trên.

Quá trình giải quyết khiếu nại của UBND thành phố, tại biên bản làm việc ngày 26/4/2017 của cơ quan Thanh tra thành phố với bà Lê Thị Thu G (người được ông Trần Văn V ủy quyền thực hiện việc khiếu nại), bà G đã ký xác nhận nội dung: *“Theo ý kiến của Ông V, bà G đã ghi bổ sung thêm phần diện tích 741,9m² đất ao và 1.000m² đất ở, phần mục loại đất ghi bổ sung thêm chữ nhà ở, mục đích sử dụng đất ghi thêm chữ đất ở. Trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/9/2001 phần mục đích sử dụng đất ông H bảo bà G ghi thêm chữ nhà ở vì lúc đó Ông V đã có nhà ở trước sự chứng kiến của ông H”.*

Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 06/02/2015 của UBND phường L0, xác định Hộ ông Trần Văn V đã làm nhà ở khoảng năm 1988 và sử dụng từ đó đến khi có quyết định thu hồi đất.

Về công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình trụ sở Công an tỉnh Hoà Bình đối với hộ ông ông Trần Văn V:

Ngày 09/6/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc.

Ngày 18/6/2009, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số: 1185/QĐ-UBND về việc thu hồi 44.736,30m² đất ở và đất nông nghiệp tại phường L0 và xã S, thành phố Hòa Bình để giao cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc. Trong đó, hộ ông Trần Văn V bị thu hồi 02 thửa đất, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 744,9m² mục đích sử dụng TSN (thửa số 58, diện tích 257,9m² và thửa số 59, diện tích 487m²). Do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, sau khi kiểm kê đất, tài sản trên đất và đối chiếu hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng đất trong thửa 58, 59 có hộ gia đình Ông V và bà Ông Phạm Thị H1 sử dụng nên diện tích đất thu hồi 744,9m² chưa lập phương án bồi thường, chưa thực hiện kiểm kê đối với hộ ông Trần Văn V.

Đến năm 2014, dự án tiếp tục được triển khai. Theo bản trích đo địa chính diện tích khu đất ngày 01/7/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hòa Bình thì thửa đất 58, 59 được trích đo thành 03 thửa (177, 178 và 179). Hộ ông Trần Văn V 02 thửa, tổng cộng 589,7m² (thửa số 177 diện tích 499,0m² và thửa số 178 diện tích 90,7m²).

Đối với thửa số 179 diện tích 158,1m² đã quy chủ bà Ông Phạm Thị H1 (Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 15/9/2001 đã được ông Trần Văn V và bà Ông Phạm Thị H1 ký xác nhận; trong đó diện tích đất Ông V đang sử dụng có cạnh giáp ranh với diện tích đất của bà Ông Phạm Thị H1). Ngày 18/5/2015, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5221/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hộ bà H1 đã nhận tiền bồi thường.

Đối với hộ ông Trần Văn V: Ngày 07/10/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình phối hợp với Phòng Hậu cần Công an tỉnh, UBND phường L0, tiến hành kiểm kê đất, tài sản trên đất của hộ gia đình ông Trần Văn V. Biên bản có ghi: Diện tích thu hồi 671,5m² đất ở được bồi thường, hỗ trợ khi gia đình cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến diện tích đất. Tuy nhiên, hộ ông Trần Văn V không cung cấp được giấy tờ (bản chính) về đất chứng minh diện tích đất 671,5m² là đất ở (Ông V cung cấp bản photocopy về đất đai, nhưng không trùng khớp với hồ sơ đất đai được lưu giữ tại các cơ quan nhà nước). Do vậy, UBND thành phố Hòa Bình không bồi thường diện tích đất 671,5m² là đất ở cho hộ ông Trần Văn V.

Ngày 09/10/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình có Văn bản số 349/CV-TTPTQĐ đã giải trình rõ diện tích 671,5m², loại đất ở được ghi trong biên bản kiểm kê là do hộ ông Trần Văn V tự cắm mốc ranh giới và yêu cầu đo lại diện tích của gia đình ông, đồng thời đề nghị ghi loại đất ở là căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/9/2001 của ông Trần Văn V đã được UBND phường L0 xác nhận.

Ngày 02/3/2017, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng trụ sở Công an tỉnh, hộ ông Trần Văn V, thửa số 177 và 178, tổng diện tích 589,7m². Ngày 02/3/2017,

UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 562/QĐ-UBND về việc duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Trần Văn V.

Sau khi UBND thành phố Hòa Bình giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn V, do có sai sót trong nội dung Quyết định số 560/QĐ-UBND và Quyết định số 562/QĐ-UBND (Mục đích thu hồi đất do phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là không đúng theo Điều 61, Luật Đất đai năm 2013); diện tích thu hồi đất 744,9m² tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND không đúng với hồ sơ và bản đồ đo đạc đất thu hồi của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình. Ngày 22/6/2017, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình, diện tích đất thu hồi hộ ông Trần Văn V là 589,7m² (80m² đất ở, 509,7m² đất TSN), thay thế Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 và điều chỉnh diện tích đất thu hồi hộ Ông V tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND; ban hành Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng trụ sở Công an tỉnh, thay thế Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.

Việc UBND thành phố ban hành quyết định thay thế (nêu trên) là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013 và hồ sơ đất đai của gia đình ông Trần Văn V được lưu giữ tại các cơ quan nhà nước. Quá trình xem xét giải quyết bồi thường, UBND thành phố vận dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định hạn mức đất ở, để hỗ trợ diện tích 80m² với mức 50% so với đơn giá bồi thường đất ở là phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương. Đến nay, hộ ông Trần Văn V chưa nhận tiền bồi thường và chưa bàn giao mặt bằng.

Quan điểm giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giữ nguyên Quyết định số 1218 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trần Văn V.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, UBND tỉnh Hòa Bình do phó Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình được ủy quyền trình bày (văn bản số 690/UBND-NC ngày 29/4/2020)

Đại diện cho UBND tỉnh Hòa Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình trình bày thống nhất với UBND thành phố Hòa Bình, Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình các nội dung: Nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông Trần Văn V; hồ sơ đất đai của gia đình ông Trần Văn V lưu trữ tại phường L0; hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; báo cáo số 178/BC-STN&MT ngày 07/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường có đánh giá hồ sơ (bản photocopy) do hộ ông Trần Văn V; căn cứ xác định nguồn gốc đất; báo cáo số 08/BC-UBND ngày 06/02/2015 của UBND phường L0; Quá trình UBND phố Hòa Bình giải quyết khiếu nại, tại biên bản làm việc ngày 26/4/2017 với Thanh tra thành phố, bà Lê Thị Thu G (người được ông Trần Văn V ủy quyền thực hiện việc khiếu nại) đã ký xác nhận nội dung sau: *“Theo ý kiến của Ông V, bà G đã ghi bổ sung thêm phần diện tích 741,9m² đất ao và 1.000m² đất ở, phần mục loại đất ghi bổ sung thêm chữ nhà ở,*

mục đích sử dụng đất ghi thêm chữ đất ở. Trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/9/2001 phần mục đích sử dụng đất ông H bảo bà G ghi thêm chữ nhà ở vì lúc đó Ông V đã có nhà ở trước sự chứng kiến của ông H”; trình bày nội dung tương tự như UBND thành phố Hòa Bình.

Thông nhất về công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình trụ sở Công an tỉnh Hoà Bình đối với hộ ông Trần Văn V: Năm 2009, ban hành Quyết định thu hồi và giao đất cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc; trong đó, hộ ông Trần Văn V bị thu hồi tại thửa đất số 58, diện tích 257,9m² và thửa số 59, diện tích 487m² thuộc tờ bản đồ số 23, tổng diện tích thu hồi hộ Ông V 744,9m² mục đích sử dụng TSN. Song, do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, diện tích đất thu hồi 744,9m² chưa được lập phương án bồi thường, do sau khi kiểm kê đất, tài sản trên đất và đối chiếu hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng đất trong thửa 58, 59 có hộ gia đình Ông V và bà Ông Phạm Thị H1 sử dụng. Do vậy, chưa thực hiện kiểm kê đối với hộ ông Trần Văn V.

Đến năm 2014, dự án tiếp tục được triển khai. Theo bản trích đo địa chính diện tích khu đất ngày 01/7/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, thửa đất 58, 59 được trích đo thành 03 thửa: Hộ ông Trần Văn V thửa số 177 diện tích 499,0m², thửa số 178 diện tích 90,7m², tổng cộng 589,7m². Đối với thửa số 179 diện tích 158,1m² đã quy chủ bà Ông Phạm Thị H1 (Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 15/9/2001 đã được ông Trần Văn V và bà Ông Phạm Thị H1 ký xác nhận; trong đó diện tích đất Ông V đang sử dụng có cạnh giáp ranh với diện tích đất của bà Ông Phạm Thị H1). Ngày 18/5/2015, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 5221/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hộ bà H1 đã nhận tiền bồi thường.

Đối với hộ ông Trần Văn V: Ngày 07/10/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình phối hợp với Phòng Hậu cần Công an tỉnh, UBND phường L0, ông Trần Văn V tiến hành kiểm kê đất, tài sản trên đất; biên bản có ghi: Diện tích thu hồi 671,5m² đất ở được bồi thường, hỗ trợ khi gia đình cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến diện tích đất. Tuy nhiên, hộ ông Trần Văn V không cung cấp được giấy tờ (bản chính) về đất chứng minh diện tích đất 671,5m² là đất ở (Ông V cung cấp bản photocopy về đất đai, nhưng không trùng khớp với hồ sơ đất đai được lưu giữ tại các cơ quan nhà nước). Do vậy, UBND thành phố Hòa Bình không bồi thường diện tích đất 671,5m² là đất ở cho hộ ông Trần Văn V. Ngày 09/10/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình có Văn bản số 349/CV-TTPTQĐ đã giải trình rõ diện tích 671,5m² loại đất ở được ghi trong biên bản kiểm kê là do hộ ông Trần Văn V tự cắm mốc ranh giới và yêu cầu đo lại diện tích của gia đình ông; đồng thời đề nghị ghi loại đất ở là căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/9/2001 của ông Trần Văn V đã được UBND phường L0 xác nhận.

Ngày 02/3/2017, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng trụ sở Công an tỉnh, hộ ông Trần Văn V, thửa số 177 và 178, tổng diện tích 589,7m². Ngày 02/3/2017, UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 562/QĐ-UBND về việc duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Trần Văn V.

Sau khi UBND thành phố Hòa Bình giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn V, do có sai sót trong nội dung Quyết định số 560/QĐ-UBND và Quyết định số 562/QĐ-UBND (với lý do: Mục đích thu hồi đất do phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là không đúng theo Điều 61, Luật Đất đai năm 2013); diện tích thu hồi đất 744,9m² tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND không đúng với hồ sơ và bản đồ đo đạc đất thu hồi của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình. UBND thành phố Hòa Bình ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình, trong đó: Diện tích đất thu hồi hộ ông Trần Văn V 589,7m² (80m² đất ở, 509,7m² đất TSN) thay thế Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 và điều chỉnh diện tích đất thu hồi hộ Ông V tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND; ban hành Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng trụ sở Công an tỉnh, thay thế Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.

Như vậy, UBND thành phố Hòa Bình ban hành quyết định thay thế (nêu trên) là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013 và hồ sơ đất đai của gia đình ông Trần Văn V được lưu giữ tại các cơ quan nhà nước. Quá trình xem xét giải quyết bồi thường, UBND thành phố Hòa Bình vận dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định hạn mức đất ở, để hỗ trợ diện tích 80m² với mức 50% so với đơn giá bồi thường đất ở là phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương. Đến nay, hộ ông Trần Văn V chưa nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng.

Quan điểm giải quyết: Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 2045 giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của ông Trần Văn V, không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND phường L0 trình bày (Văn bản số 398/UBND ngày 118/2021; Văn bản số 430/UBND ngày 07/9/2021):

Các giấy tờ, tài liệu gốc về đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn V, gồm: 01 Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất ghi ngày 15/9/2001; 01 đơn đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 15 tháng 9 năm 2001; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới, sơ đồ thửa đất (không ghi ngày tháng năm).

Việc phụ trách địa chính và lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của ông Trần Văn V ghi ngày 16 tháng 9 năm 2001: Sau khi rà soát đối chiếu với hồ sơ, các giấy tờ nêu trên không được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường và các giấy tờ nêu trên không phù hợp với hồ sơ địa chính đo đạc lập năm 1997, 1998 được lưu tại Ủy ban nhân dân phường L0 (không ghi thửa đất, tờ bản đồ địa chính).

Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 1997, 1998 lưu tại Ủy ban nhân dân phường L0 thể hiện ông Trần Văn V có 2 thửa đất ở tờ bản đồ 23: Thửa số 58

diện tích 986,7m² và thửa số 59 diện tích 575,7m²; mục đích sử dụng nuôi trồng Thủy sản.

Ngày 16/9/2021 UBND phường L0 xác nhận cho ông Trần Văn V diện tích 1.741m² mục đích sử dụng T+Ao+V+ nhà ở là không có căn cứ vì việc xác nhận vào ngày nghỉ (ngày chủ nhật), đơn không ghi số hiệu (thứ tự) thửa đất và tờ bản đồ địa chính, không phù hợp với hồ sơ địa chính lưu tại UBND phường. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Hợp tác xã N trình bày (Văn bản số 09/HTX ngày 30/6/2021):

Giám đốc Hợp tác xã đã bị tạm giam để điều tra. Do tình hình COVID kéo dài nên chưa kiện toàn được bộ máy lãnh đạo, tài liệu của Hợp tác xã đang bị Công an tỉnh Hòa Bình thu giữ để phục vụ điều tra nên không còn đầy đủ tài liệu liên quan đến vụ án, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2022/HC-ST ngày 05/08/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Bố trí tái định cư cho hộ ông Trần Văn V, phê duyệt bổ sung phương án bồi thường tài sản trên đất theo biên bản kiểm kê (lần 4) ngày 21/11/2017.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về việc hủy:

“Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất; Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 18/6/2009, của UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất; Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND thành phố Hòa Bình về việc thu hồi đất (thay thế Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 02/3/2017); Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND thành phố Hòa Bình về việc duyệt phương án bồi thường (thay thế Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/3/2017); Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại(lần đầu); Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

Yêu cầu được bồi thường diện tích đất 671,5m² là đất ở; bồi thường 100% diện tích đất 671,5m² là giá đất ở;bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất theo bộ đơn giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất do UBND Hòa Bình ban hành năm 2021”; do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện của người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình có vi phạm về pháp luật, về quy hoạch, trình tự, thông báo cho hộ Ông V trong quá trình thu hồi đất. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông V.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ y toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ; tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 24/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 2045/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với khiếu nại của ông Trần Văn V. Ngày 09/10/2019, ông Trần Văn V có đơn khởi kiện tại Tòa án tỉnh. Tính từ ngày 24/9/2019 đến ngày 09/10/2019 là trong thời hạn 01 năm, Ông V khởi kiện là trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật TTHC. Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất giao cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc. Các Quyết định hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính này gồm: Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 18/6/2009, Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 (thay thế Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 02/3/2017). Các Quyết định của UBND thành phố Hòa Bình về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, danh sách có tên ông Trần Văn V: Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 (thay thế Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 02/3/2017); Quyết định số: 1218/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số: 2045/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ngày 30/3/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thu thập chứng cứ.

Về nội dung xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2]Theo Hồ sơ địa chính lưu trữ tại phường L0 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sổ mục kê đất đai và bản đồ địa chính, hộ ông Trần Văn V sử dụng 02 thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 1.561,4m² gồm: Thửa số 58 diện tích 985,7m², thửa số 59 diện tích 575,7m²; mục đích sử dụng là đất ao. Việc đo đạc địa chính chính quy theo hiện trạng sử dụng đất thiết lập năm 1997 được thực hiện theo luận chứng kinh tế - kỹ thuật xây dựng lưới khống chế tọa độ - độ cao đo vẽ bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính khu vực thị xã Hòa Bình, B, tỉnh Hòa Bình kèm theo Quyết định số 217/QĐ-ĐC ngày 28/4/1997 của Tổng cục địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ do gia đình Ông V cung cấp khi giải quyết khiếu nại: Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất ghi ngày 15/9/2001, đơn đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 15/9/2001, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới, sơ đồ thửa đất (không ghi thửa đất, tờ bản đồ địa chính). Sau khi rà soát các giấy tờ nêu trên không được lưu giữ tại UBND phường, không phù hợp với hồ sơ địa chính đo đạc lập năm 1997 được lưu trữ tại UBND phường L0. Do đó, đại diện UBND phường xác nhận nguồn gốc sử dụng đất 1.741m² của ông Trần Văn V ngày 16/9/2001 (ngày chủ nhật) là không hợp lý.

Hồ sơ do ông Trần Văn V cung cấp tại thời điểm xác lập hồ sơ không thuộc các giấy tờ theo Điều 100, Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; mà thuộc trường hợp quy định tại điểm i, điểm k, khoản 2 Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

“Điều 21: Căn cứ để xác định nguồn gốc đất:

i. Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ;

k. Bản kê khai đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại thời điểm kê khai đăng ký

- Quá trình UBND thành phố giải quyết khiếu nại, tại biên bản làm việc ngày 26/4/2017 với Thanh tra thành phố, bà Lê Thị Thu G (người được ông Trần Văn V ủy quyền thực hiện việc khiếu nại) đã ký xác nhận nội dung sau: *“Theo ý kiến của Ông V, bà G đã ghi bổ sung thêm phần diện tích 741,9m² đất ao và 1.000m² đất ở, phần mục loại đất ghi bổ sung thêm chữ nhà ở, mục đích sử dụng đất ghi thêm chữ đất ở. Trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/9/2001 phần mục đích sử dụng đất ông H bảo bà G ghi thêm chữ nhà ở vì lúc đó Ông V đã có nhà ở trước sự chứng kiến của ông H”.*

Như vậy, hộ Ông V sử dụng 02 thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 1.561,4m² gồm: Thửa số 58 diện tích 985,7m², thửa số 59 diện tích 575,7m²; mục đích sử dụng là đất ao; làm lán trồng coi cá khoảng năm 1988 (không có căn cứ xác định hộ Ông V làm nhà ở từ trước năm 1988); đất chưa có giấy tờ. Diện tích đất 1.561,4m² được đo đạc địa chính, chính quy năm 1997. Hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND phường và cơ quan nhà nước quản lý nhà nước về đất đai thể hiện, hộ gia đình Ông V quản lý 02 thửa đất ao, tổng diện tích 1.561,4m². Hồ sơ đất đai của hộ ông Trần Văn V thuộc trường hợp quy định tại Điểm i (bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ), điểm k (bản kê khai đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp

xã tại thời điểm kê khai đăng ký) Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ đất đai của hộ ông Trần Văn V lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có bản gốc hồ sơ đất đai đăng ký quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND phường ghi ngày 15, 16/9/2001; mặt khác, hồ sơ chứng minh nguồn gốc đất không đảm bảo tính pháp lý do đã bị sửa chữa, viết nhiều loại chữ, nhiều loại mực; xác nhận vào ngày chủ nhật là không hợp lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện công nhận gia đình Ông V có diện tích đất 1.741,9m² là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu được bồi thường 100% diện tích đất ở (diện tích là 671,5m²).

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất: “Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai”

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; đối với diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) thì phải nộp bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, hạn mức giao đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình, giá bồi thường đất ở là 2.400.000đ/m². Do vậy, việc UBND thành phố Hòa Bình quyết định thu hồi, duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V với diện tích 80m² đất ở (mức bồi thường bằng 50%) và 509,7m² đất nuôi trồng thủy sản là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Do đó, Ông V yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 671,5m² là đất ở và bồi thường 100% giá đất ở là không có căn cứ pháp luật.

[4] Về yêu cầu được bố trí tái định cư:

Ngày 29/5/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hòa Bình có Thông báo số 192/TB-TTPTQĐ, dự kiến phương án bố trí tái định cư cho các hộ thuộc công trình xây dựng trụ sở Công an tỉnh. Địa điểm: Khu dân cư 4,9 ha xã S: 4.100.000đ/m², khu dân cư tổ 6 phường N: 5.500.000đ/m². Ngày 07/9/2018 UBND thành phố Hòa Bình có văn bản số 2121/UBND-TNMT V/v giải quyết đơn đề nghị của công dân, nội dung: Ngày 17/8/2018, tại buổi họp của Thanh tra tỉnh có dự kiến tái định cư cho ông Trần Văn V tại tổ 27 (nay là tổ 16 phường L0) nhưng Ông V không đồng ý. Ông V làm đơn đề nghị được bố trí tái định cư khu đất thuộc dự án quy hoạch khu dân cư tổ 31 (nay là tổ 18) phường L0, UBND thành phố Hòa Bình chưa xem xét thực hiện. Ngày 11/3/2020 UBND

thành phố Hòa Bình có văn bản số 473/UBND-TNMT V/v bố trí tái định cư đối với hộ ông Trần Văn V; nội dung: Ông V có đơn đề nghị được bố trí tái định cư một trong hai khu đất tại khu dân cư tổ 31 (nay là tổ 18) và khu dân cư số 28 (nay là tổ 17) phường L0, thành phố Hòa Bình; hoặc xây dựng khu tái định cư riêng cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để xây dựng trụ sở Công an tỉnh. UBND thành phố đã tổ chức buổi làm việc để thống nhất về phương án bố trí tái định cư với hộ Ông V, gồm: Khu tái định cư đường Trần Quý Cáp, phường Tân Hòa; khu quy hoạch dân cư tổ 6, phường N; khu tái định cư cầu Hòa Bình tổ 16, phường L0, thành phố Hòa Bình (các vị trí khu quy hoạch dân cư, tái định cư thuận lợi hơn, vị trí sinh lời hơn so với khu đất của hộ gia đình bị thu hồi). Tại Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, thừa nhận có sai sót: *“Quá trình thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với hộ Ông V, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chưa ban hành, niêm yết công khai Thông báo về địa điểm, diện tích từng lô đất, giá đất tái định cư cho người có đất bị thu hồi là chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục về công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư”*. Ngày 07/8/2018 UBND Thành phố Hòa Bình ban hành văn bản số 1845/UBND-TNMT về việc xem xét tái định cư cho hộ Ông V tại tổ 27 (nay là tổ 16 phường L0). Hộ Ông V không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà Lê Thị Thu G trình bày: UBND thành phố Hòa Bình dự kiến bố trí tái định cư cho hộ ông Trần Văn V lô đất tại khu vực cầu II Hòa Bình, nhưng giá quá cao so với lúc thu hồi đất nên gia đình Ông V không đồng ý. Như vậy, từ năm 2017 đến năm 2020, UBND thành phố đưa ra các phương án tái định cư cho hộ Ông V đảm bảo với quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nhưng Ông V không đồng ý. Nhưng UBND thành phố Hòa Bình chưa ban hành, niêm yết công khai Thông báo về địa điểm, diện tích lô đất tái định cư, niêm yết công khai văn bản, giao văn bản này cho hộ Ông V. Hộ Ông V vẫn chưa được bố trí tái định cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ông V phải được bố trí tái định cư là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu được bồi thường đất ở, giá trị tài sản trên đất theo bộ đơn giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất do UBND tỉnh Hòa Bình ban hành năm 2021.

Khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất”*.

Tháng 3 năm 2017, UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình Ông V, do đó, giá đất để tính bồi thường là giá đất cụ thể của loại đất thu hồi (80m² đất ở, 509,7m² đất TSN) tại thời điểm có quyết định thu hồi đất vào thời điểm tháng 3 năm 2017. Việc hộ Ông V chưa nhận tiền hỗ trợ bồi thường không phải là do lỗi của cơ quan nhà nước, do đó, yêu cầu được bồi thường đồng bộ đất ở và tài sản trên đất theo bộ

đơn giá khi Nhà nước thu hồi đất do UBND tỉnh Hòa Bình ban hành năm 2021, là không có căn cứ pháp luật.

[6] Về kiểm kê tài sản trên đất:

Bà Lê Thị Thu G trình bày, gia đình Ông V đồng ý với việc kiểm kê tài sản trên đất, đã đầy đủ và lập phương án bồi thường; riêng lần kiểm kê tài sản trên đất ngày 21/11/2017, chưa lập phương án bồi thường nên yêu cầu lập phương án bồi thường (bổ sung) yêu cầu này là có căn cứ.

[7] Xét các quyết định có liên quan:

+ Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình Về việc duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Xây dựng trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình (đợt 18). Biểu tổng hợp Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Xây dựng trụ sở Công an tỉnh Hòa Bình (đợt 18) ông Trần Văn V được bồi thường về tài sản là 17.651.335đ; hỗ trợ chính sách 13.028.500đ; tổng cộng 30.679.835đ.

+ Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi và giao đất cho Công an tỉnh xây dựng trụ sở làm việc.

+ Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Xét thấy các Quyết định nêu trên do UBND tỉnh Hòa Bình ký, ban hành là đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục, hình thức theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Ông Trần Văn V là thân nhân liệt sĩ nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn V; giữ nguyên toàn bộ Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 05/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Án phí: Ông Trần Văn V được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Văn Hằng
(ĐÃ KÝ)